

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SL
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày 10 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SL, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lò Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hùng

Bà Đoàn Thị Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bằng Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

Trần Thị Hải B (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 06 tháng 8 năm 1983 tại huyện MS, tỉnh Sơn La; nơi đăng ký HKTT: Tổ 10, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện nay: Tiểu khu 2, thị trấn I, huyện ML, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Trần Xuân D (đã chết) và con bà Quách Thị K (đã chết); bị cáo có chồng là Phạm Văn Q (sinh năm 1982) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/12/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Ngày 09/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2024 đến ngày 28/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 26 tháng 7 năm 1971 tại thành phố SL, tỉnh Sơn La; nơi đăng ký HKTT: Tiểu khu 5, thị trấn H, huyện MS, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện nay: Tổ 2, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Trọng B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H (đã chết); bị cáo có chồng là Vũ Văn Th (đã chết) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/11/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Trần Khương D (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 10 tháng 01 năm 1975 tại huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Tổ 8, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Trần Đình Nh (đã chết) và con bà Hoàng Thị C (sinh năm 1951); bị cáo có vợ là Dương Hồng M (sinh năm 1977) (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/8/2013, , bị Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Trọng C (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 19 tháng 9 năm 1973 tại thành phố SL, tỉnh Sơn La; nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Tổ 6, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Trọng L (đã chết) và con bà Lê Thị N (sinh năm 1952); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/8/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 04/11/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị N, sinh năm: 1952; địa chỉ: Tổ 6, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Hoàng Thị C, sinh năm: 1951, địa chỉ: Tổ 8, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18/6/2024, tổ công tác Công an phường CS, thành phố SL làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 6, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La phát hiện phát hiện bắt quả tang Nguyễn Trọng C, sinh năm 1973, đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa cục bột màu trắng, C khai là ma túy Heroine mua của Trần Khương D, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ 2 phường CS, thành phố SL, cất giữ để sử dụng.

Qua lời khai của Nguyễn Trọng C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố SL đã tiến hành xác minh, triệu tập đối tượng Trần Khương D, D khai nhận có bán cho C 200.000đ tiền ma túy như C đã khai nhận. Nguồn gốc số ma túy là của D và Nguyễn Thị N, sinh năm 1971, trú tại: tổ 2, phường CS, thành phố SL mua ngày 14/6/2024 của người phụ nữ tên B để sử dụng và bán kiếm lời. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh triệu tập Nguyễn Thị N để xác minh làm rõ, quá trình làm việc N khai nhận ngày 14/6/2024 có cùng với Trần Khương D mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời, ngày 18/6/2024 D lấy một phần ma túy bán cho Nguyễn Trọng C. Số ma túy còn lại hiện trong phòng trọ của N tại tổ 2, phường CS, thành phố SL.

Cùng ngày, tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thị N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố SL đã phát hiện thu giữ số 01 gói nilon màu trắng và 01 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, cả hai gói đều chứa cục bột màu trắng nghi là Heroine. N khai nhận đó là ma túy của N và D cất giấu để sử dụng và bán kiếm lời.

Ngày 19/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố SL tiến hành bóc mở niêm phong, tách bì, cân tịnh và xác định khối lượng vật chứng. Kết quả:

- *Chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng thu giữ của Nguyễn Trọng C có khối lượng 0,17 gam, trích lấy 0,08 gam làm mẫu giám định ký hiệu C1, còn lại 0,09 gam làm mẫu lưu kho ký hiệu N1.*

- *Chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị N có khối lượng 0,27 gam, trích lấy 0,06 gam làm mẫu giám định ký hiệu C2, còn lại 0,21 gam làm mẫu lưu kho ký hiệu N2.*

- *Chất bột màu trắng trong gói giấy màu trắng có dòng kẻ thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị N có khối lượng 0,03 gam, lấy toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu C3.*

Tại Kết luận giám định số: 1336/KL-KTHS ngày 12/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu ký hiệu C1, C2, C3 gửi giám định là ma túy; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định là: C1 = 0,08 gam, C2 = 0,06 gam, C3 = 0,03 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,47 gam; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định.*”

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/6/2024, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an thành phố SL làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 10, phường CL, thành phố SL phát hiện bắt quả tang Trần Thị Hải B, sinh năm 1983, đang cất giữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon màu trắng bên trong có cục bột màu trắng, B khai là ma túy Heroine, cất giữ để bán kiếm lời và 01 điện thoại di động nhãn hiệu

SAMSUNG Galaxy A22 bên trong lắp 01 Sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0352608664.

Ngày 19/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố SL tiến hành mở niêm phong, cân tịnh và lấy mẫu giám định vật chứng thu giữ của Trần Thị Hải B, kết quả: Số cục, bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang có khối lượng 0,23 gam, lấy 0,07 gam làm mẫu giám định ký hiệu T, còn lại 0,16 gam làm mẫu lưu khi ký hiệu B.

Ngày 20/6/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố SL đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Hải B, quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật tài liệu gì thêm.

Tại Kết luận giám định số: 1335/ KL-KTHS ngày 21/6/2024 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “*Mẫu ký hiệu T gửi giám định là ma túy; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định là: T = 0,07 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,23 gam; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định.*”

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Ngày 12/5/2024, Trần Thị Hải B, sinh năm 1983, đăng ký thường trú tại: Tổ 10, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La, chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 2, thị trấn I, huyện ML, tỉnh Sơn La, đi xe khách từ nhà ở Tiểu khu 2, thị trấn I, huyện ML, tỉnh Sơn La đến xã NC, huyện ML để tìm mua ma túy về bán kiếm lời. Khi đến khu vực gần trung tâm xã NC thì B xuống xe, đi bộ được một lúc thì B gặp một người nam giới dân tộc Mông (B không quen biết) và hỏi mua được của người đó 01 gói nilon màu trắng, bên trong chứa ma túy với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). B cất gói ma túy vào túi quần phía trước đang mặc trên người và đi xe khách về nhà. Khi về đến nhà, B treo chiếc quần có chứa ma túy vào trong phòng vệ sinh nhà B để cất giấu. Ngày 13/6/2024, B đưa con đi khám và nằm viện tại Bệnh viện đa khoa Cuộc sống, thành phố SL. Sáng ngày 14/6/2024 Nguyễn Thị N do muốn có tiền để tiêu xài và mua thuốc chữa bệnh nên đã rủ Trần Khương D, sinh năm: 1975, trú tại: Tổ 8, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La đi tìm mua ma túy để D sử dụng và cùng bán lấy lợi nhuận, D đồng ý. Do có quen biết từ trước với Trần Thị Hải B nên N sử dụng điện thoại OPPO A76 lắp sim 0963.391.670 gọi vào số điện thoại 0352608664 của B để hỏi mua ma túy, B đã đồng ý và hẹn N chiều cùng ngày đến lấy ma túy tại tầng 5 của Bệnh viện đa khoa C để giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, B đi xe khách về nhà tại tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện ML và lấy gói ma túy đang cất giấu trong túi quần ở nhà vệ sinh ra chia gói ma túy trên thành 02 (Hai) gói và gói lại bằng mảnh nilon màu trắng trong đó gói ma túy nhỏ hơn thì B để lại vào túi quần và treo tại phòng vệ sinh như cũ, gói ma túy to hơn thì B cho vào túi xách của B rồi bắt xe khách mang ra thành phố SL bán cho N. Chiều cùng ngày, N điều khiển xe máy Honda Wave BKS 90B2-518.11 chở D đến Bệnh viện C tại phường CC. Đến nơi, D và N đi thang máy lên tầng 5 đến phòng đầu

tiên bên phải hướng đi ra thang máy, vào trong phòng gặp B. Tại đây B có bán cho N gói Heroine đang mang theo với giá 2.100.000đ nhưng cho N nợ lại số tiền trên. Sau khi mua được ma túy, N và D mang về phòng trọ của N tại tổ 02, phường CS, thành phố SL để cất giấu. Từ ngày 14/6/2024 đến ngày 18/6/2024, D có lấy một phần của số ma túy đã mua được để sử dụng, số ma túy phần còn lại D đưa cho N cất ở ngăn tủ gỗ trong nhà trọ. Chiều ngày 18/6/2024, khi D đang ở nhà trọ của N thì nhận được cuộc gọi điện thoại của Nguyễn Trọng C, sinh năm: 1973, trú tại Tổ 6, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La hỏi mua 200.000đ Heroine và D đồng ý. D bàn bạc và thống nhất với N bán ma túy Heroine cho C với số tiền 200.000đ rồi lấy 01 gói Heroine mang theo. Sau đó D hẹn C đến ngõ 326 đường L thuộc tổ 02, phường CS, thành phố SL, đầu đường rẽ vào phòng trọ của N, tại đây D đã bán cho C gói Heroine, sau khi bán ma túy cho C, D cầm lấy số tiền này rồi cất vào túi phần bên trái phía trước đang mặc rồi quay trở lại nhà trọ. Sau đó D đi đến một cửa hàng tạp hóa ven đường và dùng hết số tiền 200.000đ có được từ việc bán ma túy Heroine nói trên để chi tiêu cá nhân. Sau khi mua được số ma túy của D, C cất giấu vào trong túi quần bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe đạp điện về nhà để sử dụng, khi C đi đến gần khu vực ngã ba đường dân sinh giao với đường Lê Duẩn thuộc tổ 6, phường CS, thành phố SL thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Đối với Trần Thị Hải B, chiều ngày 19/6/2024, B bắt xe buýt từ nhà ở Tiểu khu 2, thị trấn I, huyện ML, tỉnh Sơn La ra đến khu vực Chợ Trung Tâm, Thành phố SL thì B xuống xe buýt rồi đi bộ về nhà bố mẹ chồng tại tổ 10, phường CL, thành phố SL. Khi B đang đi bộ trên đường 26/8 thuộc tổ 10, phường CL thì gặp tổ công tác đội cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố SL kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ các vật chứng liên quan.

Thực hiện điều tra xác minh đối với người nam giới bán trái phép chất ma túy cho Trần Thị Hải B nhưng không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án.

Đối với 01 (Một) xe đạp điện YAMAHA có số khung: 6554212-01501537, số máy: 48YAN12B Y019434GC3XM5, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Trọng C. Quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Lê Thị N, sinh năm 1952, trú tại: Tổ 6, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La, là mẹ đẻ của Nguyễn Trọng C.

Đối với 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Wave a, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 90B2 - 518.11, số máy JA39E0213912, số khung RLHJA3901HY213851, đã qua sử dụng, tạm giữ của Trần Khương D. Quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Hoàng Thị C, sinh năm 1951, trú tại: Tổ 8, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La, là mẹ đẻ của Trần Khương D.

Tại bản cáo trạng số: 155/CT-VKSTP ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La truy tố: Bị cáo Nguyễn Trọng C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Thị Hải B, Nguyễn Thị N và Trần Khương D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 215 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL giữ quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Hải B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hải B từ 28 tháng đến 34 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N từ 26 tháng đến 32 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Khương D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Khương D từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng C từ 13 tháng đến 16 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 02 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; Mẫu lưu N1 = 0,09 gam; N2 = 0,21 gam; 02 (hai) sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0867892871 và 0963391670, trên sim có 05 số cuối seri cuối lần lượt là 71961 và 27435, đã qua sử dụng; 02 (hai) sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0344808327 và 0916466312, trên sim có 05 số seri cuối lần lượt là 30011 và 77933, đã qua sử dụng; 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0985987465, trên sim có 05 số seri cuối là 68752, đã qua sử dụng; 01 (một) Sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0352608664, trên sim có 05 số seri cuối là 65570, đã qua sử dụng; 01 (một) hộp nhựa trên thân hộp có dòng chữ Nho Mỹ RAISINS, đã qua sử dụng; 01 (một) gói nilon màu bạc, đã qua sử dụng; 01 (một) phong bì niêm phong đựng 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh nilon màu trắng; Mẫu lưu B = 0,16 gam.

+ Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1 có 05 số cuối là 23492, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 5G, loại màn hình cảm ứng, số IMEI có

05 số cuối là 27247, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen, màn hình cảm ứng bị vỡ nứt, số IMEI 1 có 05 số cuối là 47663, số IMEI 2 có 5 số cuối là 47671, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A22, vỏ màu trắng, có 05 số IMEI cuối là 14976, đã qua sử dụng; truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng với Trần Khương D.

+ Trả lại cho bà Lê Thị N: 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu YAMAHA có số khung: 6554212-01501537, số máy: 48YAN12BY019434GC3XM5, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bà Hoàng Thị C: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 90B2 - 518.11, số máy JA39E0213912, số khung 3901HY213851, đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì đối đáp với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố SL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Ngày 18/6/2024, Nguyễn Trọng C đã có hành vi cất giữ trái phép 0,17 gam Heroine, hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng: Lời khai nhận tội của bị cáo; biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 19 giờ 55 phút ngày 18/6/2024 tại tổ 6, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La đối với Nguyễn Trọng C cùng vật chứng thu giữ là 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa cục bột màu trắng, C khai là ma túy Heroine, cất giữ để sử dụng; Biên bản niêm phong vật chứng; Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh vật chứng lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại; Kết luận giám định số 1336/KL-KTHS ngày 21/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của ông Đồng Trọng S, sinh năm 1965, trú tại: Tổ 9, phường Q, thành phố SL, tỉnh Sơn La, là người chứng kiến việc bắt người phạm tội quả tang.

Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Trọng C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 14/6/2024, tại Bệnh viện đa khoa C thuộc bản B, phường CC, thành phố SL, tỉnh Sơn La, Trần Thị Hải B đã có hành vi bán cho Trần Khương D và Nguyễn Thị N 01 gói nilon màu trắng, bên trong chứa Heroine với mục đích để kiếm lợi nhuận. Ngày 18/6/2024, Trần Khương D và Nguyễn Thị N có hành vi bán cho Nguyễn Trọng C 01 gói nilon chứa 0,17 gam Heroine để kiếm lời đồng thời cất giấu 02 gói nilon chứa tổng khối lượng 0,30 gam Heroine, mục đích để bán kiếm lời. Ngày 19/6/2024, Trần Thị Hải B bị bắt giữ cùng vật chứng thu giữ là 0,23 gam Heroine, mục đích để bán kiếm lời. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng: Lời khai nhận tội của các bị cáo; biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 40 phút ngày 18/6/2024 tại tổ 6, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La đối với Trần Thị Hải B cùng vật chứng thu giữ là 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa cục bột màu trắng, B khai là ma túy Heroine, cất giữ để bán kiếm lời; Biên bản khám xét lập hồi 07 giờ 00 phút ngày 19/6/2024 tại tổ 02, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La; Biên bản niêm phong vật chứng; Biên bản khám xét lập hồi 10 giờ 15 phút ngày 20/6/2024 tại Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện ML, tỉnh Sơn La; Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh vật chứng lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại; Kết luận giám định số 1336/KL-KTHS và Kết luận giám định số 1336/KL-KTHS ngày 21/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị Hải B phù hợp với lời khai của bà Đào Thùy T, sinh năm 2003, trú tại: Tổ 6, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La, là người chứng kiến việc bắt người phạm tội quả tang

Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Thị Hải B, Trần Khương D, Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi:

Bị cáo Nguyễn Trọng C phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 0,17 gam, loại Heroine, đã vi phạm vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, khung hình phạt có mức phạt tù từ 01 năm đến 05 năm và thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

Các bị cáo Trần Khương D và Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng khối lượng là 0,47 gam Heroine để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Cả hai bị cáo đã cùng nhau cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép 0,47 gam Heroine để sử dụng và bán kiếm lời, tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó: Nguyễn Thị N giữ vai trò chính (trực tiếp rủ, chủ động đèo D đến nơi mua ma túy, chủ động liên hệ và giao dịch mua ma túy, nợ tiền mua ma túy với Trần Thị Hải B) và người thực hành tích cực là Trần Khương D (cùng N đi tìm mua ma túy, sử dụng một phần số ma túy mua được và đem bán một phần số ma túy mua được cho Nguyễn Trọng C). Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, khung hình phạt có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm và thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

Bị cáo Trần Thị Hải B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng khối lượng là 0,70 gam Heroine (trong đó, bao gồm 0.23 gam Heroine mà bị cáo đang cất

giữ và 0,47 gam Heroine đã bán cho N và D), với mục đích để bán kiếm lời, đã vi phạm vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, khung hình phạt có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm và thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của việc tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng do nghiện ma túy và háo hởi, các bị cáo đã coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vẫn cố tình phạm tội. Hành vi cất giấu, cất giữ trái phép 0,17 gam Heroine của bị cáo C, mua bán trái phép 0,47 gam Heroine của bị cáo D và bị cáo N, mua bán trái phép 0,70 gam Heroine của bị cáo B đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về kiểm soát và quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Trọng C có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, bà ngoại được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình sau khi bị bắt, bị cáo Nguyễn Trọng C, Trần Khương D và Nguyễn Thị N đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án phạt tù, nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, không có khả năng tự cải tạo. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bản thân các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo C, D, N để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Áp dụng Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Thị Hải B để bảo đảm việc thi hành án.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Trần Thị Hải B khai mua ma túy của của một người nam giới (bị cáo không biết tên) tại xã NC, huyện ML, ngoài lời khai của bị cáo, cơ quan chức năng đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng không thu thập được tài liệu chứng cứ gì, do đó buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự toàn bộ đối với số ma túy bị thu giữ.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 02 (hai) vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 02 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; Mẫu lưu N1 = 0,09 gam; N2 = 0,21 gam; 02 (hai) sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0867892871 và 0963391670, trên sim có 05 số cuối seri cuối lần lượt là 71961 và 27435, đã qua sử dụng; 02 (hai) sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0344808327 và 0916466312, trên sim có 05 số seri cuối lần lượt là 30011 và 77933, đã qua sử dụng; 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0985987465, trên sim có 05 số seri cuối là 68752, đã qua sử dụng; 01 (một) Sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0352608664, trên sim có 05 số seri cuối là 65570, đã qua sử dụng; 01 (một) hộp nhựa trên thân hộp có dòng chữ Nho Mỹ RAISINS, đã qua sử dụng; 01 (một) gói nilon màu bạc, đã qua sử dụng; 01 (một) phong bì niêm phong đựng 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh nilon màu trắng; Mẫu lưu B = 0,16 gam, là những vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1 có 05 số cuối là 23492, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 5G, loại màn hình cảm ứng, số IMEI có 05 số cuối là 27247, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen, màn hình cảm ứng bị vỡ nứt, số IMEI 1 có 05 số cuối là 47663, số IMEI 2 có 5 số cuối là 47671, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A22, vỏ màu trắng, có 05 số IMEI cuối là 14976, đã qua sử dụng. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 200.000đ do Trần Khương D bán ma túy cho Nguyễn Trọng C mà có, là tiền do phạm tội mà có, Trần Khương D đã chi tiêu cá nhân hết, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu YAMAHA có số khung: 6554212-01501537, số máy: 48YAN12BY019434GC3XM5, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng là tài sản của bà Lê Thị N, ngày 14/6/2024 C sử dụng chiếc xe để thực hiện

hành vi phạm tội bà Ngọc không biết, không tham gia. Đối với 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 90B2 - 518.11, số máy JA39E0213912, số khung 3901HY213851, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của bà Hoàng Thị C, từ ngày 10/6/2024 D mượn bà Cúc chiếc xe trên và ngày 18/6/2024 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội bà Cúc không biết, không tham gia. Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, cần trả lại cho bà Lê Thị N và bà Hoàng Thị C.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hải B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hải B 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều , Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Khương D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Khương D 29 (hai mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

4. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng C 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 18/6/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 (hai) vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 02 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; Mẫu lưu N1 = 0,09 gam; N2 = 0,21 gam; 02 (hai) sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0867892871 và

0963391670, trên sim có 05 số cuối seri cuối lần lượt là 71961 và 27435, đã qua sử dụng; 02 (hai) sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0344808327 và 0916466312, trên sim có 05 số seri cuối lần lượt là 30011 và 77933, đã qua sử dụng; 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0985987465, trên sim có 05 số seri cuối là 68752, đã qua sử dụng; 01 (một) Sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0352608664, trên sim có 05 số seri cuối là 65570, đã qua sử dụng; 01 (một) hộp nhựa trên thân hộp có dòng chữ Nho Mỹ RAISINS, đã qua sử dụng; 01 (một) gói nilon màu bạc, đã qua sử dụng; 01 (một) phong bì niêm phong đựng 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh nilon màu trắng; Mẫu lưu B = 0,16 gam.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1 có 05 số cuối là 23492, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10 5G, loại màn hình cảm ứng, số IMEI có 05 số cuối là 27247, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen, màn hình cảm ứng bị vỡ nứt, số IMEI 1 có 05 số cuối là 47663, số IMEI 2 có 5 số cuối là 47671, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A22, vỏ màu trắng, có 05 số IMEI cuối là 14976, đã qua sử dụng;

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) với Trần Khương D.

- Trả lại cho bà Lê Thị N: 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu YAMAHA có số khung: 6554212-01501537, số máy: 48YAN12BY019434GC3XM5, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị C: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 90B2 - 518.11, số máy JA39E0213912, số khung 3901HY213851, đã qua sử dụng.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2024 giữa Công an thành phố SL và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SL, tỉnh Sơn La).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/12/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố SL;
- Công an thành phố SL;
- Chi cục THA dân sự thành phố SL;
- Bị cáo;
- THAHS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Lò Thị Mai Hương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Bồ Thị Thái
Ngọc Hùng**

Hoàng

Lò Thị Mai Hương